

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**HỢP ĐỒNG**  
**CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ BƯU CHÍNH**

**Số: 2367/2021/HĐBC/BĐHCM – FPTLONGCHAU**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;
- Căn cứ Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính;
- Căn cứ Thông tư 02/2012/TT-BTTTT ngày 15/3/2012 của Bộ Thông tin & Truyền thông về việc “Quy định chi tiết về cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính”;
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của mỗi Bên,

**BÊN CUNG ỨNG DỊCH VỤ**

**BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Chi nhánh Tổng Công Ty Bưu điện Việt Nam

Địa chỉ trụ sở : 125 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận I, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08.38256930 Fax: 08.38248103

Mã số thuế : 0305402257

Đại diện : Bà Lê Thị Thanh Trà

Chức vụ : Phó Giám Đốc Bưu điện TP Hồ Chí Minh

(Theo Giấy ủy quyền số: 2711/UQ-BĐHCM ngày 10/06/2019 của Giám đốc BĐTPHCM v/v Ủy quyền ký hợp đồng cung cấp dịch vụ)

(sau đây được gọi là “**Bên A**”).

Và

**BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ:**

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM FPT LONG CHÂU**

Địa chỉ : 379-381 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại : 02873023456

Mã số thuế : 0315275368

Đại diện : Bà Nguyễn Đỗ Quyên

Chức vụ : Giám đốc Điều Hành

Giấy ủy quyền số 1252/2020/UQ-FRT ngày 01/11/2020.

(Trường hợp cấp phó ký Hợp đồng, yêu cầu phải có Quyết định/Giấy ủy quyền của người đứng đầu cơ quan đơn vị)

(sau đây được gọi là “**Bên B**”),

Sau khi bàn bạc thảo luận hai bên đồng ý ký kết hợp đồng cung cấp “**Dịch vụ Bưu chính**” với các điều, khoản sau đây:



## **Giải nghĩa một số từ ngữ và thuật ngữ dùng trong Hợp đồng này và các phụ lục đính kèm**

- Hợp đồng** : được hiểu là bản thỏa thuận cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính này, bao gồm cả các phụ lục, các văn bản bổ sung, sửa đổi Hợp đồng này.
- Phụ lục Hợp đồng** : là phần không thể tách rời của Hợp đồng, qui định các điều khoản chi tiết, các thông tin đầu mối ủy quyền, các sửa đổi/ bổ sung (nếu có).
- Các Bên/Hai Bên** : được hiểu bao gồm cả Bên A và Bên B
- Bưu gửi** : là thư, tài liệu, ấn phẩm, hàng hóa của Bên B được chuyển qua mạng lưới bưu chính chuyển phát của Bên A.
- Dịch vụ bưu chính** : là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi bằng các phương thức từ địa điểm của người gửi đến địa điểm của người nhận qua mạng bưu chính.
- COD** : là dịch vụ phát hàng thu tiền mà người gửi có thể sử dụng kèm với các dịch vụ bưu chính để ủy thác cho Bên A thu hộ một khoản tiền của người nhận khi phát bưu gửi (hàng hóa) và chuyển trả khoản tiền đó cho người gửi.

Hai Bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính với những điều khoản như sau:

### **ĐIỀU 1: DỊCH VỤ CUNG ỨNG**

Bên B đồng ý sử dụng các dịch vụ bưu chính do Bên A cung ứng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các dịch vụ sau:

- Dịch vụ bưu chính chuyển phát (bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh,...).
- Dịch vụ cộng thêm (nếu có).

Chi tiết các loại dịch vụ tại các Phụ lục đính kèm.

### **ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ**

- 2.1. Bên A cung ứng các dịch vụ được quy định tại Điều 1 theo yêu cầu của Bên B và hướng dẫn Bên B thực hiện đúng các quy định khi sử dụng dịch vụ. Bên B sử dụng các ấn phẩm dịch vụ theo quy định nghiệp vụ hiện hành của Bên A.
- 2.2. Khi có nhu cầu sử dụng dịch vụ, Bên B sẽ liên hệ với đầu mối phục vụ được chỉ định của Bên A để đến nhận bưu gửi (Trừ các ngày Chủ nhật và các ngày Lễ, Tết theo quy định).
- 2.3. Hai Bên lập phiếu/ bảng kê hoặc sổ giao nhận và thực hiện ký xác nhận khi giao nhận bưu gửi, cước phí (nếu có) để làm cơ sở đối chiếu và thanh toán hàng tháng.
- Bên A thực hiện nhận hàng tại địa điểm Bên B chỉ định từ 1-2 lần/ ngày. Các địa điểm thuộc diện lấy hàng 2 lần/ ngày, Bên B sẽ gửi danh sách cho bên A và chỉ định khoảng thời gian lấy hàng cụ thể (nếu có) qua email trước 01 ngày làm việc.
- 2.4. Bên A giao cho bộ phận sau đây có trách nhiệm giao dịch trực tiếp với Bên B:
- Đơn vị : Trung tâm Nam Sài Gòn
  - Bưu cục : Bưu cục KHL
  - Người thực hiện : Nguyễn Thị Út Mười – Trưởng Bưu cục
  - Điện thoại : 0362993714
  - Email : bckhlngs@hcmpost.vn
- 2.5. Bên B giao cho bộ phận sau đây có trách nhiệm giao dịch trực tiếp với Bên A
- Tên bộ phận: Phòng Hành chính - FPT Long Châu





- Địa chỉ : 379-381 Hai Bà Trưng, P. Võ Thị Sáu, Q3
- Người giao dịch : Nguyễn Trọng Nhân
- Điện thoại : 0919270470
- Email : Nhannt89@fpt.com.vn

2.6. Khi thay đổi địa điểm giao nhận hoặc đầu mối cung cấp dịch vụ, Bên thay đổi phải có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết trước tối thiểu năm (05) ngày làm việc.

### **ĐIỀU 3: GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ**

3.1. Giá cước các dịch vụ mà Bên A cung ứng cho Bên B áp dụng theo bảng giá cước quy định cụ thể tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này.

Giá cước sẽ ổn định trong vòng 02 năm kể từ ký. Sau khi hết thời hạn 02 năm, nếu bên A có thay đổi về giá cước dịch vụ, Bên A hoặc đầu mối phục vụ của Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B bằng văn bản trước 15 (mười năm) ngày làm việc kể từ ngày áp dụng. Trong trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc thực hiện dịch vụ của bên A bị ảnh hưởng trên phạm vi toàn quốc, hai bên sẽ tiến hành thương lượng và xác nhận bằng email về việc điều chỉnh giá (nếu có).

3.2. Cước phí dịch vụ Bên B phải thanh toán cho Bên A là tổng cước các dịch vụ bưu chính và cước phát hàng thu tiền (cước thu hộ) Bên B đã sử dụng thực tế trên cơ sở giá cước các dịch vụ được quy định tại khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

3.3. Chính sách ưu đãi Bên B được hưởng theo thỏa thuận tại Phụ lục 03 của Hợp đồng này.

### **ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN**

#### **4.1 Phương thức thanh toán:**

Bên B sẽ thanh toán cho Bên A bằng chuyển khoản theo thông tin sau:

- Tên tài khoản: BUU ĐIỆN TRUNG TÂM NAM SÀI GÒN
- Số tài khoản: 999996229999
- Ngân hàng: TMCP BUU ĐIỆN LIÊN VIỆT -CN SÀI GÒN- PGD NAM SÀI GÒN

#### **4.2 Thời hạn thanh toán:**

4.2.1 Từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng: Bên A gửi bảng kê các khoản cước phí mà Bên B đã sử dụng dịch vụ của Bên A trong tháng trước để Bên B thực hiện kiểm tra đối soát.

4.2.2 Trong 05 (năm) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày nhận được các bảng kê nêu trên: Bên B đối chiếu, kiểm tra và xác nhận bằng kê cước các dịch vụ đã sử dụng trong tháng trước và gửi lại cho Bên A. Nếu sau thời gian này Bên B không gửi lại cho Bên A xác nhận bằng kê cước các dịch vụ đã sử dụng trong tháng thì xem như Bên B đã đồng ý với các số liệu của Bên A.

Căn cứ số liệu đã được hai Bên thống nhất, đầu mỗi Bên A thực hiện xuất hoá đơn GTGT cho đầu mỗi Bên B.

Trong thời hạn đối soát, nếu một trong hai bên phát hiện sự sai lệch thì Bên A sẽ điều chỉnh và gửi lại cho Bên B báo cáo tổng hợp sản lượng và tiền cước dịch vụ Bên B đã sử dụng để xác nhận đối soát.

Trong trường hợp 2 bên chưa thống nhất được tiền cước thì Bên B sẽ thanh toán cho Bên A theo số đối chiếu đã khớp giữa 2 bên, phần chênh lệch sẽ được 2 bên tiếp tục tra soát và thanh toán vào đợt tiếp theo.

- 4.2.3** Trong vòng 15 (mười lăm) ngày tiếp theo kể từ ngày nhận được giấy đề nghị thanh toán kèm hóa đơn GTGT, chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng nhận được hóa đơn GTGT: Bên B thực hiện thanh toán cước phí phải trả cho Bên A.
- 4.2.4** Số tiền trích thưởng Bên A chỉ cho Bên B sẽ giảm nếu Bên B thanh toán cước dịch vụ cho Bên A chậm hơn so với thời hạn thanh toán được thỏa thuận tại khoản 4.2.3\_Điều 4 như sau:
- Trường hợp Bên B thanh toán chậm từ 01 đến 10 ngày so với thời gian quy định tại khoản 4.2.3\_Điều 4 nêu trên thì chính sách ưu đãi Bên B được hưởng sẽ giảm 50% so với tỷ lệ quy định tại Khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng này.
  - Trường hợp Bên B thanh toán chậm từ 11 đến 20 ngày so với thời gian qui định tại khoản 4.2.3\_Điều 4 nêu trên thì Bên B sẽ không được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại Khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng này.
- 4.2.5** Nếu Bên B thanh toán cho Bên A chậm từ 21 ngày trở lên so với thời gian qui định tại khoản 4.2.3\_Điều 4 nêu thì phải chịu theo lãi suất cho vay quá hạn của Ngân Hàng bên A nhận thanh toán trên tổng số tiền chậm trả cho mỗi ngày trả chậm.
- 4.2.6** Chính sách ưu đãi Bên B được hưởng được thể hiện trên hóa đơn GTGT tiền cước dịch vụ. Nếu Bên B thanh toán cước dịch vụ cho Bên A chậm hơn so với thời hạn thanh toán được thỏa thuận tại khoản 4.2.3\_Điều 4 thì số tiền giảm trích thưởng cho Bên B của kỳ thanh toán này sẽ được cản trừ trong kỳ thanh toán kế tiếp.
- 4.2.7** Trường hợp quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán, nếu Bên B không thanh toán cước phí thì Bên A sẽ tạm ngừng hoặc ngừng cung ứng dịch vụ cho đến khi Bên B thanh toán toàn bộ số tiền chậm trả và lãi phát sinh.

## **ĐIỀU 5: BỒI THƯỜNG VÀ PHẠT CHUYỀN CHẬM:**

### **5.1 Nguyên tắc bồi thường thiệt hại**

- 5.1.1.** Tiền bồi thường thiệt hại được trả bằng tiền Việt Nam.
- 5.1.2.** Tiền bồi thường được trả cho người gửi.. Mức bồi thường thiệt hại được xác định dựa trên cơ sở thiệt hại thực tế và mức thiệt hại được tính theo giá trị hàng hóa trên hóa đơn đính kèm bưu gửi liên quan.
- 5.1.3.** Bên A không phải bồi thường thiệt hại gián tiếp hoặc những nguồn lợi không thu được do việc cung ứng dịch vụ không bảo đảm chất lượng gây ra.

### **5.2. Mức bồi thường:**

Bên A bồi thường cho Bên B nếu bưu gửi của Bên B bị hư hỏng, mất do lỗi của Bên A:

- 5.2.1.** Trường hợp bưu gửi bị mất/hư hại hoàn toàn: Bên A thực hiện bồi thường cho Bên B bằng 100% giá trị hàng hóa trên hóa đơn đính kèm bưu gửi liên quan
- 5.2.2.** Trường hợp bưu gửi bị hư hỏng hoặc mất mát một phần: Bên A sẽ bồi thường trên cơ sở tỉ lệ hư hỏng của bưu gửi cho Bên B.

Số tiền bồi thường = Tỷ lệ % bị hư hỏng hoặc mất mát một phần x Mức bồi thường.

- Tỷ lệ % bị hư hỏng được xác định căn cứ vào biên bản lập có xác nhận của Bên B hoặc đại diện của Bên B.
- Mức bồi thường: mức bồi thường tối đa trong trường hợp bưu gửi bị mất, hư hại hoàn toàn

**5.3.** Bên A không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với bưu gửi của Bên B trong các trường hợp sau:

- 5.3.1.** Đã được phát theo thỏa thuận trong Hợp đồng cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ không có khiếu nại gì tại thời điểm nhận.



- 5.3.2. Việc Bên B không cung cấp đầy đủ các giấy tờ cần thiết trong thời hạn Bên A yêu cầu hoặc trong thời hạn quy định pháp luật phục vụ cho việc vận chuyển bưu gửi là nguyên nhân dẫn tới các thiệt hại như hàng hoá để lâu bị hỏng, bị phạt vi phạm, bị tịch thu hàng hoá.
- 5.3.3. Bị hư hại, mất mát do lỗi của Bên B hoặc do đặc tính tự nhiên của chúng.
- 5.3.4. Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tịch thu hoặc tiêu huỷ do nội dung bên trong vi phạm các quy định cấm gửi của pháp luật.
- 5.3.5. Bị tịch thu theo luật lệ của nước nhận và đã được các nước này thông báo bằng văn bản.
- 5.3.6. Bao bì đóng gói mà Bên B sử dụng không đủ chắc chắn để bảo vệ hàng hoá trong quá trình vận chuyển theo khuyến cáo của Bên A.
- 5.3.7. Người gửi không có chứng từ xác nhận việc gửi bưu gửi.
- 5.3.8. Những trường hợp bất khả kháng và các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

**5.4. Phạt chuyển chậm:**

- Trường hợp bưu gửi phát chậm chỉ tiêu thời gian cam kết quy định tại PL01 + PL02 của Hợp Đồng này thì Bên B chịu phạt 01 lần cước chuyển phát của bưu gửi liên quan.

**5.5 Quy Trình Giải Quyết Khiếu Nại:**

- Phản hồi thông tin trong vòng 01 ngày làm việc.
- Chốt hướng xử lý: 7 ngày.
- Hoàn tất việc bồi hoàn: 30 ngày kể từ thời điểm xác nhận lỗi vi phạm

**ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN**

**6.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A:**

**6.1.1. Trách nhiệm:**

- Đảm bảo cung ứng các dịch vụ bưu chính cho Bên B theo những nội dung đã thoả thuận trong Hợp đồng này và theo quy định do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cũng như Bên A ban hành.
- Đảm bảo bí mật thông tin và an toàn đối với các bưu gửi của Bên B trong quá trình chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi.
- Có trách nhiệm giải quyết các khiếu nại về cung ứng dịch vụ của Bên B theo nguyên tắc rút ngắn thời gian theo qui định.
- Bồi thường thiệt hại cho Bên B theo thoả thuận tại Điều 5 của Hợp đồng này.
- Chi trả tiền thu hộ vào tài khoản của của Bên B quy định tại PL02 của HĐ này.

**6.1.2. Quyền hạn:**

- Được quyền yêu cầu Bên B thanh toán tiền cước dịch vụ Bên B đã sử dụng đúng thời hạn cam kết của Hợp đồng.
- Được quyền tạm ngừng hoặc ngừng cung ứng dịch vụ khi Bên B vi phạm các điều khoản đã cam kết của Hợp đồng này.
- Được quyền từ chối chấp nhận dịch vụ đối với các bưu gửi khi Bên B không thực hiện đúng thoả thuận theo qui định tại khoản 6.2.1 Điều 6.
- Được quyền từ chối cung ứng dịch vụ bưu chính khi Bên B có dấu hiệu vi phạm các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước và qui định của pháp luật.

**6.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:**

**6.2.1. Trách nhiệm:**

- a. Bên B sử dụng các dịch vụ bưu chính do Bên A cung ứng theo thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng này đúng các qui định về sử dụng dịch vụ, quy định về sử dụng ấn phẩm nghiệp vụ của Bên A.
- b. Các bưu gửi của Bên B có nội dung phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực Bưu chính và quy định nghiệp vụ của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bưu gửi.
- c. Bên B cung cấp cho Bên A đầy đủ thông tin về nội dung bưu gửi như: tên, chủng loại, số lượng hàng hóa; dịch vụ chuyển phát..., các chứng từ cần thiết liên quan đến bưu gửi; Cung cấp tên và địa chỉ người nhận rõ ràng, đầy đủ theo quy định phân cấp, phân loại về địa chỉ người nhận đối với dịch vụ bưu chính chuyển phát cụ thể như sau:

Loại Cấp	Loại I Theo mặt đường, phố, ngõ, ngách			Loại II Theo phường, cụm tổ dân cư	Loại III Các khu tập thể, khu chung cư	Loại IV Theo thôn, xã (nông thôn)
1	Tên Người Nhận			Tên Người Nhận	Tên Người Nhận	Tên Người Nhận
2	Số nhà (thuộc phố)	Số nhà (thuộc Ngõ)	Số nhà (thuộc Ngách)	Số nhà (thuộc tổ)	Số căn hộ	-
3	-	-	Ngách	Tổ dân cư (thuộc cụm)	Dãy nhà khu tập thể	Xóm (cụm, khu)
4	-	Ngõ		Cụm (thuộc phường)	Khu tập thể Khu chung cư	Thôn (ấp)
5	Đường phố			Phường	Phường	Xã
	Phường					
6	Quận/huyện			Quận/huyện	Quận/huyện	Quận/huyện
7	Tỉnh/thành phố			Tỉnh/thành phố	Tỉnh/thành phố	Tỉnh/thành phố

- Phân cấp này nhằm mục đích thống nhất giữa các Bên về địa chỉ đầy đủ và làm căn cứ để các Bên xác định địa chỉ sai, địa chỉ không đầy đủ và/hoặc địa chỉ không rõ ràng của Người Nhận.
  - Địa chỉ Người Nhận sai là chuỗi thông tin về người nhận thể hiện trên bưu gửi không có thật, hoặc có thật nhưng thiếu thông tin theo phân cấp và phân loại địa chỉ, hoặc sai tên người nhận dù địa chỉ đúng;
  - Địa chỉ Người Nhận không đầy đủ và/hoặc địa chỉ không rõ ràng là chuỗi thông tin về người nhận thiếu, nhầm lẫn do lỗi soạn thảo, sai chính tả, ngữ pháp một trong những thông tin theo phân cấp và phân loại địa chỉ.
- d. Bên B chịu trách nhiệm đóng gói hàng hóa theo đúng quy cách để đảm bảo an toàn cho bưu gửi trong quá trình chuyển phát. Đối với các loại hàng hoá có yêu cầu bảo quản đặc biệt (hàng dễ hỏng, dễ vỡ ...), Bên B phải tự đóng gói, gia cố bao bì cẩn thận trước khi gửi (đóng thùng xốp, thùng carton, thùng gỗ, bao gói nylon, chèn bọ, ...), có dấu hiệu nhận biết bên ngoài bao bì, đồng thời thông báo cho Bên A để đảm bảo an toàn trong suốt quá trình vận chuyển.
  - e. Trường hợp Bên B không có điều kiện đóng gói, gia cố bao bì hàng hoá thì có thể sử dụng dịch vụ đóng gói, gia cố bao bì hàng hóa do Bên A cung cấp. Bên B trả cho Bên A phí dịch vụ đóng gói, gia cố hàng hóa.
  - f. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, số lượng hàng hóa gửi qua hệ thống của Bên A. Bên B phải đảm bảo chất lượng hàng hóa theo đúng xuất xứ, mẫu mã chủng loại, số lượng, chất lượng sản phẩm, tình trạng, màu sắc đã cam kết với người mua; nếu người nhận (người



mua hàng) có khiếu kiện liên quan đến chất lượng, quy cách hàng hóa thì Bên B chịu trách nhiệm giải quyết khiếu kiện trực tiếp với người nhận.

- g. Các bưu gửi không phát được cho người nhận không phải do lỗi của Bên A, Bên A chuyển hoàn bưu gửi lại cho Bên B; Bên B có trách nhiệm nhận lại các bưu gửi đó đồng thời trả cước chuyển hoàn của bưu gửi đó cho Bên A.
- h. Thực hiện việc thanh toán theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.
- i. Tuân thủ mọi nội dung thỏa thuận khác tại Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.

#### **6.2.2. Quyền hạn:**

- a. Được quyền bảo đảm bí mật và an toàn hàng hóa theo quy định của pháp luật.
- b. Được quyền khiếu nại trong trường hợp Bên A không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ các nội dung đã cam kết về cung ứng dịch vụ bưu chính chuyển phát trong Hợp đồng.
- c. Được bồi thường thiệt hại theo các quy định hiện hành của Bên A ban hành và theo thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng này.
- d. Được quyền tạm ngừng hoặc ngừng sử dụng dịch vụ khi Bên A vi phạm các điều khoản đã cam kết của Hợp đồng này sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Bên A trước 05 (năm) ngày kể từ ngày bắt đầu ngừng sử dụng dịch vụ.

#### **ĐIỀU 7: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

- 7.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi hai Bên thống nhất chấm dứt bằng văn bản hoặc một Bên thông báo trước bằng văn bản cho Bên kia tối thiểu là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày định chấm dứt Hợp đồng.
- 7.2. Hợp đồng tạm dừng khi Bên B hoặc Bên A vi phạm tại Điều 4 của Hợp đồng này cho đến khi các bên hoàn tất phần nghĩa vụ còn thiếu đối với bên kia.
- 7.3. Hợp đồng này chấm dứt trong những trường hợp sau:
  - 7.3.1. Hai Bên thống nhất bằng văn bản chấm dứt hợp đồng theo khoản 7.1 điều này
  - 7.3.2. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu hai Bên chấm dứt hợp đồng.
  - 7.3.3. Một Bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng mà không khắc phục được vi phạm nói trên trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu khắc phục vi phạm của Bên kia, trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác.
- 7.4. Hợp đồng được xem như tự động thanh lý khi hợp đồng được chấm dứt theo khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng và các Bên phải hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng.
- 7.5. Việc chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại khoản 7.3 Điều 7 của Hợp đồng này không làm phương hại đến các quyền của các Bên được phát sinh từ Hợp đồng này hoặc theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

#### **ĐIỀU 8: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- 8.1. Hợp đồng này được điều chỉnh bằng pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 8.2. Trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Nếu tranh chấp không giải quyết được trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày một Bên thông báo cho Bên kia về tranh chấp phát sinh, hai Bên thống nhất đưa tranh chấp ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết.

## ĐIỀU 9: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

- 9.1. Hợp đồng này cấu thành toàn bộ thỏa thuận giữa các Bên liên quan tới vấn đề nội dung Hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chỉ có giá trị pháp lý khi được hai Bên A chấp thuận và lập thành Phụ lục của Hợp đồng.
- 9.2. Trong trường hợp 01 (một) hoặc một số điều khoản của Hợp đồng này được cho là vô hiệu hoặc không thể thi hành theo pháp luật và các quy định có liên quan, thì tính hợp pháp, giá trị và hiệu lực thi hành của các điều khoản khác trong Hợp đồng này sẽ không bị ảnh hưởng.
- 9.3. Các phụ lục đính kèm là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

Hợp đồng nguyên tắc được ký bằng phương thức ký số qua ứng dụng eContract, Bên B sử dụng chữ ký số cá nhân và chữ ký số Công ty CP Dược phẩm FPT Long Châu, Bên A sử dụng chữ ký số BUU ĐIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - Chi nhánh Tổng Công Ty Bưu điện Việt Nam để ký kết Hợp đồng.

### ĐẠI DIỆN BÊN B

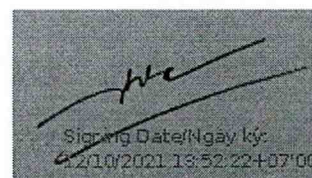
Digitally signed Digitally signed



**Bà: Nguyễn Đỗ Quyên**

**Chức vụ: Giám Đốc Điều Hành**

### ĐẠI DIỆN BÊN A



**Bà: Lê Thị Thanh Trà**

**Chức vụ: Phó Giám Đốc**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 1**  
**Giá cước dịch vụ**

(Kèm theo hợp đồng số: 2367/2021/HĐBC/BĐHCM - FPTLONGCHAU)

**ĐIỀU 1: GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ:**

**1. CƯỚC DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT LOGISTIC TRONG NƯỚC:**

**1.1 Cước chính:**

*Đơn vị tính : VNĐ*

NẮC TRỌNG LƯỢNG	Mức cước				
	TP. HCM	Nội vùng	Cận vùng	Hà Nội	Cách vùng
Đến 10kg	50,900	56,900	69,600	72,000	79,800
Trên 10kg đến 20kg	82,900	92,900	125,600	136,000	144,800
Mỗi 01kg tiếp theo trên 20 kg đến 30 kg	3,200	3,600	5,600	6,400	6,500
Mỗi 01kg tiếp theo trên 30 kg đến 50 kg	2,800	4,100	5,100	5,200	6,000
Mỗi 01kg tiếp theo trên 50 kg đến 200 kg	2,500	3,600	4,800	5,100	5,700
Mỗi 01kg tiếp theo trên 200 kg đến 500 kg	2,100	3,200	4,500	4,700	5,200
Mỗi 01kg tiếp theo trên 500 kg đến 2.000 kg	1,900	2,800	3,800	4,100	4,800
Mỗi 01kg tiếp theo trên 2.000 kg đến 3.500 kg	1,700	2,400	3,200	3,500	4,200
Mỗi 01kg tiếp theo trên 3.500 kg	1,600	2,300	2,800	3,000	3,600
Thời gian chuyển phát	J+2	J+3	J+4	J+4	J+5
<b>Trong đó:</b> - J là ngày nhận gửi; - KV phát ngoài trung tâm tỉnh, thành phố: Thời gian phát cộng thêm từ 1 đến 2 ngày.					

- Giá cước trên chưa bao gồm 10% PPXD (phụ phí xăng dầu) tính trên cước chính;
- Giá cước trên chưa bao gồm phụ phí kết nối 20% khi gửi đến tuyến Huyện, Xã;
- Giá cước trên chưa bao gồm 10% thuế GTGT;
- Trọng lượng tính cước: Áp dụng trọng lượng lớn nhất khi so sánh trọng lượng thực tế của gói hàng/kiện hàng với trọng lượng theo thể tích. Công thức tính trọng lượng thể tích:

**Dài x Rộng x Cao (cm3)/6.000**

- Đối với các kiện hàng nguyên khối (nguyên kiện) không thể tách rời có khối lượng trên 100kg sẽ thu thêm phí nâng hạ bằng 40% cước chính, tối thiểu thu 120.000 đồng/kiện.

**1.2 HỆ SỐ TÍNH CƯỚC:** chỉ áp dụng khi tính cước theo trọng lượng thực tế

Loại hàng	Hệ số tính cước	Ghi chú
Bưu gửi chứa hàng công kênh (không áp dụng cho bưu gửi tính cước theo thể tích hàng hóa)	1.4	Trường hợp bưu gửi có nhiều hệ số thì áp dụng hệ số cao nhất
Bưu kiện chứa hàng dễ vỡ	1.6	
Bưu kiện đi và đến các hải đảo	2	

**Quy định về vùng tính cước:**

- **TP. HCM:** áp dụng đối với bưu gửi trong TP. Hồ Chí Minh
- **Nội vùng:** bao gồm 22 tỉnh Miền Nam: An Giang, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên

Giang, Khánh Hoà, Long An, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long.

- **Cận vùng:** bao gồm 11 tỉnh Miền Trung: Bình Định, Đà Nẵng, Gia Lai, Huế, Kon Tum, Phú Yên, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đắc Lắc, Đắc Nông.
- **Cách vùng:** bao gồm 29 tỉnh Miền Bắc: Bắc Cạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Nội, Hà Giang, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Hoà Bình, Lào Cai, Lai Châu, Lạng Sơn, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Bình, Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hoá, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Yên Bái.

## 2. CƯỚC DỊCH VỤ CHUYÊN PHÁT NHANH TRONG NƯỚC:

*Đơn vị tính: đồng/bưu gửi hoặc lô bưu gửi*

NẮC TRỌNG LƯỢNG	TP. HCM	Liên tỉnh			
		Vùng 1	Vùng 2		Vùng 3
			Đà Nẵng	Hà Nội	
Đến 50 gr	8,000	8,500	9,500	9,500	10,000
Trên 50gr – 100 gr	8,000	12,500	13,500	13,500	14,000
Trên 100gr - 250gr	10,000	16,500	21,500	22,000	23,000
Trên 250gr - 500gr	12,500	23,500	28,000	28,600	29,900
Trên 500gr - 1000gr	15,000	33,000	40,900	41,800	43,700
Trên 1000gr - 1500gr	18,000	40,000	52,800	53,900	56,400
Trên 1500gr - 2000gr	21,000	48,500	59,500	63,500	67,500
Mỗi nấc 1kg tiếp theo	3,200	7,600	18,000	20,000	22,000
Thời gian phát (J là ngày nhận gửi)	J+1	J+1	J+1	J+1	J+1 đến J+2.5

- Giá cước trên chưa bao gồm PPXD nội tỉnh 10% và liên tỉnh 17% tính trên cước chính;
- Giá cước trên chưa bao gồm phụ phí vùng xa 20% tính trên cước chính;
- Giá cước trên chưa bao gồm 10% thuế GTGT;
- Trọng lượng tính cước: Áp dụng trọng lượng lớn nhất khi so sánh trọng lượng thực tế của gói hàng/kiện hàng với trọng lượng theo thể tích. Công thức tính trọng lượng thể tích:

**$\text{Dài} \times \text{Rộng} \times \text{Cao (cm}^3\text{)}/6.000$**

- Hàng cồng kênh (có chu vi lớn nhất cộng với số đo của chiều còn lại lớn hơn 3m và nhỏ hơn 5m, hoặc chiều dài nhất của kiện hàng/ gói hàng lớn hơn 1,5m và nhỏ hơn 2m): thu cước bằng 1,5 lần mức cước nêu trên.
- Trọng lượng tối đa 30kg/kiện.

## 3. CƯỚC CÁC DỊCH VỤ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

*Đơn vị tính : VND*

Loại dịch vụ	Giá cước
1. Báo phát	5,000 đồng
2. Phát đồng kiểm	1,000 đồng/đơn vị kiểm đếm. Tối thiểu 15,000 đồng/xác nhận giao hàng.
3. Khai giá	1% giá trị giá khai;
	Tối thiểu 15,000 đồng/bưu gửi.



<b>4. Dịch vụ hóa đơn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10,000 đồng/bưu gửi (không phân biệt số lượng hóa đơn/01 bưu gửi).</li> <li>- Mức bồi thường cho hóa đơn bị mất căn cứ theo quyết định của cơ quan thuế, mức bồi thường tối đa /01 bưu gửi chứa hóa đơn là 20,000,000 đồng (không phân biệt số lượng hóa đơn).</li> <li>- Các nội dung khác của bưu gửi (tài liệu, hàng hóa..) được bồi thường theo dịch vụ tương ứng của bưu gửi.</li> </ul>
<b>5. Hàng nhẩy cảm, hàng có giá trị (VUN)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội tỉnh: không áp dụng</li> <li>- Liên tỉnh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vùng 1: 2.000 đồng/kg hoặc phần lẻ của kg</li> <li>+ Vùng 2, vùng 3: 3.500 đồng/kg hoặc phần lẻ của kg.</li> </ul> </li> </ul>
<b>Áp dụng bắt buộc cho các bưu gửi chứa:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy quay phim, máy chụp ảnh.</li> <li>- Máy tính xách tay, thiết bị hỗ trợ tin học cá nhân (PDAs)</li> <li>- Điện thoại di động, thẻ điện thoại(trừ thẻ không mệnh giá-thẻ trắng)</li> <li>- Các loại hàng hóa có giá trị khác.</li> </ul>	
<b>6. Chuyển hoàn</b>	Thu bằng 50% cước chuyển phát chiều đi
<b>7. Lưu ký:</b>	
- 5 ngày đầu	- Miễn phí
- Từ ngày thứ 6	- 600 đồng/kg/ngày

- Giá cước dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT.

#### **Ghi chú vùng cước:**

- **TP. HCM:** áp dụng đối với bưu gửi trong TP. Hồ Chí Minh
- **Vùng 1:** áp dụng đối với bưu gửi từ TP. HCM đến các tỉnh An Giang, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đắc Lắc, Đắc Nông;
- **Vùng 2:**
  - + áp dụng đối với bưu gửi từ TP. HCM đến Đà Nẵng
  - + áp dụng đối với bưu gửi từ TP. HCM đến Hà Nội
- **Vùng 3:** áp dụng đối với bưu gửi từ TP. HCM đến các tỉnh Bình Định, Gia Lai, Thừa Thiên-Huế, Kon Tum, Khánh Hòa, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi; Bắc Cạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Hoà Bình, Lào Cai, Lai Châu, Lạng Sơn, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hoá, Tuyên Quang, Yên Bái, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc.

#### **ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

Phụ lục này là một phần không thể tách rời của hợp đồng cung cấp dịch vụ bưu chính số: 2367 /2021/HĐBC/BĐHCM - FPTLONGCHAU giữa Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tổng Công Ty Bưu Điện Việt Nam và Công Ty CP Dược Phẩm FPT Long Châu.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 2**

**Cung ứng dịch vụ thương mại điện tử**

(Kèm theo hợp đồng số: 2367/2021/HĐBC/BĐHCM - FPTLONGCHAU)

**ĐIỀU 1: GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ:**

**1. CƯỚC DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT NHANH EMS TMĐT**

*ĐVT: đồng/bưu gửi*

Nặng khối lượng	Nội tỉnh (đồng)	Liên tỉnh (đồng)	
		Nội vùng	Liên vùng
Đến 1.000g	18,000	30,000	32,000
Trên 1.000g – 2.000g	22,000	36,000	40,000
Mỗi nấc 500g tiếp theo	2,500	3,500	10,000
Chỉ tiêu thời gian toàn trình	0,5 – 1 ngày	1 – 2 ngày	1 – 3 ngày

Ghi chú: - Giá cước trên đã bao gồm phụ phí xăng dầu và thuế giá trị gia tăng 10%

- Giá cước trên chưa bao gồm phụ phí vùng xa 6.000 đồng/bưu gửi (đã bao gồm thuế GTGT 10%)

- Miễn cước thu hộ các khoản tiền thu hộ

- Chỉ tiêu thời gian toàn trình: tính từ 24h00 cùng ngày nhận, trừ nghỉ Lễ, Tết theo qui định. Thời gian toàn trình được tính giao đến Trung tâm Tỉnh / Thành phố

**2. VÙNG TÍNH CƯỚC**

- **Nội tỉnh:** Áp dụng đối với bưu gửi có địa chỉ gửi và nhận trong cùng TPHCM
- **Nội vùng:** Áp dụng đối với các bưu gửi được gửi từ TPHCM đến 22 tỉnh miền Nam và 03 tỉnh Miền Trung (vùng 2): An Giang, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa
- **Liên vùng:** Áp dụng đối với các bưu gửi được gửi từ TPHCM đến 10 tỉnh miền Trung (vùng 3) và 28 tỉnh miền Bắc (vùng 1): Bình Định, Đà Nẵng, Gia Lai, Thừa Thiên Huế, Kon Tum, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bắc Kạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Nội, Hà Giang, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Hòa Bình, Lào Cai, Lai Châu, Lạng Sơn, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Yên Bái

**3. CƯỚC HÀNG CÔNG KÈNH VÀ HÀNG NHẹ**

**3.1 Hàng công kênh**

- Là hàng hóa có kích thước vượt quá kích thước hàng tiêu chuẩn, cụ thể: chiều dài cộng với chu vi lớn nhất không đo theo chiều dài đã đo lớn hơn 3m hoặc chiều dài nhất lớn hơn 1,5m.
- Hàng công kênh thu cước bằng 1,5 lần mức cước EMS Thương mại điện tử tương ứng quy định tại Mục 1 của Phụ lục.

**3.2 Hàng nhẹ**

- Là hàng có trọng lượng nhỏ, kích thước lớn (có thể tích trên 6.000 cm<sup>3</sup>/kg hoặc khối lượng dưới 167 kg/m<sup>3</sup>).
- Khối lượng tính cước không căn cứ vào khối lượng thực mà căn cứ vào khối lượng quy đổi từ thể tích kiện hàng theo công thức sau:

$$\text{Khối lượng quy đổi (kg)} = \text{Thể tích kiện hàng (cm}^3\text{)} / 6000$$



**Ghi chú:** không áp dụng hệ số tính cước hàng công kênh đối với các bưu gửi đã tính cước theo khối lượng quy đổi

#### 4. HỆ SỐ HẢI ĐẢO

- Hệ số hải đảo áp dụng cho bưu gửi được gửi chấp nhận tại hải đảo hoặc phát tại hải đảo.
- Hệ số hải đảo thu cước bằng **2 lần** mức cước Thương mại điện tử tương ứng quy định tại Mục 1 của phụ lục cước này.

**Ghi chú:** Đối với bưu gửi có nhiều hệ số tính cước (vừa đi/đến hải đảo, vừa là hàng công kênh) thì chọn hệ số tính cước cao nhất

#### 5. CƯỚC CÁC DỊCH VỤ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Chưa bao gồm cước chính, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%)

Loại dịch vụ	Mức cước	Ghi chú
<b>Dịch vụ rút bưu gửi</b>		
Bưu gửi còn tại bưu cục gốc	Miễn phí	Hoàn lại cước gửi cho khách hàng
Bưu gửi đã chuyển khỏi bưu cục gốc	Thu cước chuyển hoàn bằng 50% cước chuyển phát chiều đi của bưu gửi/lô hàng đã thu.	
<b>Thay đổi họ tên, địa chỉ người nhận</b>		
Bưu gửi còn tại bưu cục gốc	Thu cước chênh lệch để chuyển bưu gửi đến địa chỉ mới (nếu có)	
Bưu gửi đã chuyển khỏi bưu cục gốc	+ <i>Địa chỉ nhận mới cùng tỉnh/ thành phố:</i> Thu cước phục vụ 11.000 đồng/bưu gửi hoặc lô hàng. + <i>Địa chỉ nhận mới khác tỉnh/ thành phố:</i> Thu cước đến địa chỉ mới (tính từ địa điểm gửi hàng ban đầu (Bưu cục gốc) đến địa chỉ mới)	Không hoàn cước đã thu của khách hàng
<b>Dịch vụ chuyển hoàn</b>	Nội tỉnh: miễn phí Liên tỉnh: 50% cước chiều đi	
<b>Dịch vụ đồng kiểm</b>	1.100 đồng/chi tiết kiểm đếm. Tối thiểu thu: 16.500 đồng/ xác nhận giao hàng	
<b>Hàng nhạ cảm EMS-VUN</b>	+ <i>Nội tỉnh:</i> Miễn phí + <i>Liên tỉnh</i> - Nội vùng: 1.100 đồng/kg - Liên vùng nhanh: 3.850 đồng/kg	
<b>Dịch vụ EMS cây cảnh</b>	+ <i>Nội tỉnh, Nội vùng:</i> miễn phí + <i>Liên vùng nhanh:</i> 7.700 đồng/kg	
<b>Dịch vụ EMS thực phẩm</b>	+ <i>Nội tỉnh, Nội vùng:</i> 2.200 đồng/kg + <i>Liên vùng nhanh:</i> 7.700 đồng/kg	
<b>Dịch vụ chuyển phát hoá đơn</b>	11.000 đồng/ bưu gửi chứa hoá đơn.	Không phân biệt số lượng hoá đơn trong 01 bưu gửi

#### 6. Giá thùng, hộp carton:

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Giá bán thùng hộp (đồng)
1	Hộp carton 2C kích thước 14x3x12.5	Hộp	1,500
2	Hộp carton 2E kích thước 11x5.5x19	Hộp	2,000
3	Hộp carton 1E kích thước 12 x 6 x 10	Hộp	2,000
4	Hộp carton kích thước 17 x 11 x 11	Hộp	2,500
5	Hộp carton kích thước 16 x 15 x 23	Hộp	4,000
6	Hộp carton kích thước 30 x 20 x 10	Hộp	4,500
7	Hộp carton kích thước 45x40x4	Hộp	5,000
8	Hộp carton kích thước 27 x 22 x 22	Hộp	5,500
9	Hộp carton kích thước 26x37x21	Hộp	7,000
10	Hộp carton kích thước 49x33x32	Hộp	12,500
11	Hộp carton 2M kích thước 48x37x36	Hộp	14,000
12	Hộp carton kích thước 60x40x30	Hộp	16,000
13	Hộp carton kích thước 50x45x40	Hộp	18,000

- Bảng giá đã bao gồm thuế GTGT 10%;

## **ĐIỀU 2: Đối soát, thanh toán tiền thu hộ (COD):**

### **2.1 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản**

**2.2 Đối soát:** 01 lần/ tuần vào thứ 3 hàng tuần cho các bưu gửi phát thành công từ thứ 3 tuần trước cho đến hết thứ 2 tuần thanh toán. Trong trường hợp có phần số liệu đối soát chưa được thống nhất thì 02 bên sẽ tiếp tục làm việc và chuyển vào kỳ thanh toán tiếp theo.

### **2.3 Thời hạn thanh toán:**

**2.2.1** Bên A chuyển trả cho Bên B số tiền thu hộ (nếu có) 01 lần/ tuần, vào thứ tư hàng tuần.

**2.2.2** Đến kỳ thanh toán, Bên A tự động chuyển trả cho Bên B số tiền thu hộ của các bưu gửi đã phát thành công của các ngày trước đó bằng chuyển khoản theo thông tin sau:

- Tên tài khoản : Công ty Cổ Phần Dược Phẩm FPT Long Châu
- Tài khoản số : 113002672043 (VND)
- Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 1, PGD Tân Định

## **ĐIỀU 3: Mức bồi thường:**

Bên A bồi thường cho Bên B nếu bưu gửi của Bên B bị hư hỏng, mất do lỗi của Bên A:

**3.1** Trường hợp bưu gửi sử dụng dịch vụ COD bị mất: Bên A sẽ bồi thường theo giá trị của bưu gửi có đầy đủ chứng từ chứng minh giá trị hàng hóa (hóa đơn giá trị gia tăng).

**3.2** Trường hợp bưu gửi bị hư hỏng, mất mát: thực hiện bồi thường cho Bên B với mức bồi thường tối đa cho mỗi bưu gửi như sau:

**Số tiền bồi thường = Tỷ lệ % bị hư hại hoặc mất mát x mức bồi thường.**

- Tỷ lệ % bị hư hại hoặc mất mát được xác định căn cứ vào biên bản lập có xác nhận của Bên B hoặc đại diện của Bên B.
- Mức bồi thường: mức bồi thường tối đa trong trường hợp bưu gửi bị mất, hư hại hoàn toàn

## **ĐIỀU 4 : Điều khoản chung:**

Phụ lục này là một phần không thể tách rời của hợp đồng cung cấp dịch vụ bưu chính số : /HĐBC/BĐHCM - FPTLONGCHAU giữa Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tổng Công Ty Bưu Điện Việt Nam (Bên A) và Công Ty CP Dược Phẩm FPT Long Châu (Bên B).



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 3**

**Chính sách ưu đãi**

*(Kèm theo hợp đồng số: 2367/2021/HĐBC/BĐHCM – FPTLONGCHAU)*

**ĐIỀU 1: Chính sách ưu đãi:**

- 1. Đối với dịch vụ chuyển phát hàng hóa theo bảng cước tại Phụ Lục 1 Hợp đồng này:**  
Áp dụng mức chiết khấu 20% đối với các dịch vụ chuyển phát hàng hóa theo bảng cước tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này
- 2. Đối với dịch vụ chuyển phát thương mại điện tử theo bảng cước tại Phụ Lục 2 Hợp đồng này:**

STT	Sản lượng đơn phát sinh trung bình/ngày	Mức ưu đãi /doanh số sử dụng dịch vụ của Bên B
1	Đến 100 đơn/ngày	7%
2	Từ trên 100 đơn đến 300 đơn/ngày	12%
3	Từ trên 300 đơn đến 500 đơn/ngày	14%
4	Từ trên 500 đơn đến 800 đơn/ngày	16%
5	Từ trên 800 đơn đến 1.000 đơn/ngày	18%
6	Từ trên 1.000 đơn/ngày	20%

**3. Hình thức ưu đãi và chính sách ưu đãi:**

- Hình thức ưu đãi: Chiết khấu
- Chính sách ưu đãi trên áp dụng cho phần cước trước thuế, gồm: Cước chuyển phát, cước thu hộ, cước các dịch vụ cộng thêm (nếu có).
- Chính sách ưu đãi trên không áp dụng, gồm: cước gia công (gia cố thùng, đóng gói, bao bì,...), tem thư (tem vật lý), phần tiền cước đã thanh toán bằng tem thư (tem vật lý), cước chuyển hoàn.
- Chính sách ưu đãi nêu trên sẽ thay đổi theo từng thời điểm. Khi có thay đổi chính sách Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết bằng văn bản.

**ĐIỀU 2: Điều khoản chung:**

- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của hợp đồng cung cấp dịch vụ bưu chính số: 2367/HĐBC/BĐHCM - FPTLONGCHAU ngày ký giữa Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tổng Công Ty Bưu Điện Việt Nam (Bên A) và Công Ty CP Dược Phẩm FPT Long Châu (Bên B).